

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HSST

Ngày 26- 05- 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

-Ông Hoàng Văn Tuấn- Phó Bí thư huyện đoàn Thái Thụy;

-Bà Vũ Thị Thúy- Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học và Trung học cơ sở
Thụy Hà.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham
gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Hải– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy,
tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2022/TLST -
HS ngày 06 tháng 04 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
35/2022/QĐXXST- HS ngày 27- 04- 2022 đối với các bị cáo:

1). D1, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1980; nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái
Bình; nơi cư trú: Thôn T2, xã D2, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao
động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:
Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: N1; họ tên mẹ: C1; họ tên vợ: N2; có 01
con sinh năm 2014; Nhân thân: Tại bản án số 19/2000/HSST ngày 31 tháng 05
năm 2000, Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo 03
(Ba) năm tù về tội: “*Cướp tài sản của công dân*”; Bản án số 18/2005/HSST
ngày 19 tháng 05 năm 2005, Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái
Bình xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm
chiếm đoạt tài sản*”; Bản án số 140/2006/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2006, Tòa
án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 06
(Sáu) tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án:
Bản án số 120/2012/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2012, Tòa án nhân dân huyện
Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội:
“*Trộm cắp tài sản*”; ngày 28- 11- 2013 đã chấp hành xong hình phạt tù; Bản án
số 35/2015/HSST ngày 29 tháng 06 năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thái
Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 08 (Tám) năm tù về tội: “*Mua bán trái*

phép chất ma túy”; ngày 07- 06- 2020, chấp hành xong hình phạt tù; Danh chỉ bản số 366 do Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình lập ngày 22- 12- 2021. Bị bắt tạm giam từ ngày 22- 12- 2021; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất, có mặt.

2). H1, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2002; nơi sinh: Huyện Đ2, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn N3, xã C2, huyện Đ2, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: P1; họ tên mẹ: T3; Chưa có chồng con; hiện đang mang thai; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 023 do Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình lập ngày 17- 01- 2022. Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; trích xuất, có mặt.

3). A1, sinh ngày 09 tháng 09 năm 2003; nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn C3, xã T4, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: H2; họ tên mẹ: K1; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 367 do Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình lập ngày 22- 12- 2021. Bị bắt tạm giam từ ngày 22- 12- 2021; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất, có mặt.

4). L1, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2005; nơi sinh: Huyện N3, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm N4, xã C4, huyện N3, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 07/12; dân tộc: Dao Đỏ; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: K2 (đã chết); họ tên mẹ: N5; Chưa có chồng con; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 258 do Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình lập ngày 23- 12- 2021. Bị bắt tạm giam từ ngày 22- 12- 2021; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất, có mặt.

-Người đại diện của bị cáo L1: Bà N5, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Xóm N4, xã C4, huyện N3, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo L1: Ông T6- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình. Có mặt.

-Đại diện Đoàn Thanh niên xã C4, huyện N3, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh T7, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Đ3, xã T8, huyện T2, tỉnh Thái Bình; Có mặt.

-Người làm chứng:

(1). Anh L2, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Đ3, xã T8, huyện T2, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt.

(2). L3, sinh ngày 24- 12- 2005; nơi cư trú: Thôn N4, xã H1; huyện B1, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

(3). Anh C5, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn C6, xã T9, huyện T2, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt.

(4). Chị T10, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn C6, xã T9, huyện T2, tỉnh Thái Bình; Có mặt.

-*Người chứng kiến:* Ông H1, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn C6, xã T9, huyện T2, tỉnh Thái Bình; Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 00 phút ngày 16- 12- 2021, bị cáo D1 cùng các anh T7, anh L3 cùng uống bia tại quán bia D2. Bị cáo D1 đưa ra gói ma túy loại Ketamine và rủ anh T7, anh L3 cùng sử dụng, được hai anh đồng ý. Hồi 14 giờ cùng ngày, bị cáo D1 cùng anh T7 đi đến quán KARAOKE tại thôn C6, xã T9. Bị cáo D1 thuê phòng hát số 03 của quán và yêu cầu 03 nhân viên để phục vụ. Bị cáo A1 là người quản lý quán đã yêu cầu các nhân viên của quán là bị cáo H1, bị cáo L1 và L3 vào phòng số 03 phục vụ khách. Khi anh L3 đến thì bị cáo D1, anh T7 và anh L2 cùng vào phòng số 03. Tại đây, bị cáo D1 yêu cầu bị cáo H1 mang đến cho bị cáo 01 đĩa sứ và cuộn giấy khô và hỏi mượn 01 thẻ ATM. Biết bị cáo D1 yêu cầu các dụng cụ trên là để sử dụng ma túy nhưng bị cáo H1 đã thực hiện đúng theo yêu cầu của bị cáo D1: cho mượn 01 thẻ ATM của mình; lấy của quán 01 đĩa sứ và cuộn giấy khô đem đến phòng theo yêu cầu của bị cáo D1. Bị cáo H1 đến báo cho bị cáo A1 việc nhóm bị cáo D1 sử dụng ma túy tại phòng hát số 03 để bị cáo A1 biết mà tính tiền giá cao hơn. Bị cáo D1 đưa cho bị cáo H1 tờ tiền polyme 20.000đồng bảo H1 cuộn thành ống hút để hút ma túy. Bị cáo H1 cuộn được một đầu rồi đưa cho L3 cuộn tiếp; còn H1 đi lấy nước phục vụ cho việc sử dụng ma túy. L3 cuộn tiếp rồi lấy đầu lọc thuốc lá để cố định ống hút; sau khi xong để trên mặt bàn. Bị cáo D1 dùng bật lửa ga của quán đốt cuộn giấy khô do H1 đưa để hơi nóng đĩa sứ; sau đó mang đĩa về chỗ ghế ngồi; lấy gói ma túy loại Ketamine trong túi quần, đổ ma túy vào đĩa. Nhân viên khác của quán là bị cáo L1 dùng đèn Flash từ điện thoại của L1 để soi cho D1 dùng thẻ ATM của H1 để miết cho mịn ma túy (gọi là xào ke). Sau khi xào ke xong, D1 để đĩa ke lên âm ly rồi đi ra ngoài. Khi quay vào, bị cáo D1 đưa cho bị cáo H1 số ma túy khác là 02 viên thuốc lắc (là ma túy, loại MDMA) để pha chế. Bị cáo H1 pha chế bằng cách cho 02 viên thuốc lắc vào cốc, giã nhỏ rồi đổ nước Coca vào cốc; lắc đều, pha xong H1 để cốc trên mặt bàn. Anh T7 cầm cốc ma túy mà bị cáo H1 vừa pha uống một ngụm; sau đó bị cáo D1 cầm cốc ma túy đưa cho mọi người uống, lần lượt là H1, L1, L3 rồi D1 uống sau cùng. Mọi người cùng đứng lên nhảy theo nhạc. Một lúc sau, bị cáo D1 lấy đĩa ma túy đã xào ke từ trước, bị cáo L1 dùng đèn Flash từ điện thoại soi cho bị cáo D1 chia nhỏ ma túy trên đĩa để mọi người sử dụng. Bị cáo L1 soi đèn cho mọi người sử dụng ma túy trên đĩa. Những người sử dụng là anh T7, L3, anh L2, bị cáo H1, bị cáo L1, bị cáo D1; mọi người sử dụng được 3 vòng thì hết ma túy. Sử dụng ma túy xong, mọi người tiếp tục nhảy; một lúc sau L2 và D1 ra khỏi phòng hát, ngồi bàn uống nước ngoài sân. Hồi 16 giờ, lực lượng Công an huyện tiến hành kiểm tra thì L2, D1 bỏ chạy. Tại phòng hát số 03, Công an đã phát hiện lập biên bản, thu giữ vật

chứng: 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ ATM, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000đồng được cố định bằng 03 vỏ đầu lọc của điều thuốc lá; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 túi nilon trong suốt có mép cài. Các kết luận giám định: Kết luận giám định số 447/KLGĐMT-PC09 ngày 20- 12- 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Thái Bình: Chất bột màu trắng bám dính trên trên mặt đĩa sứ màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng không xác định được do mẫu quá ít. Kết luận giám định số 448/KLGĐMT-PC09 ngày 20- 12- 2021 xác định: Các mẫu nước tiểu ký hiệu M1, M2, M3, M4 thu giữ của T7, N9, H1 và L5 gửi giám định đều chứa sản phẩm chuyển hóa của 02 loại ma túy: Ketamine và MDMA; mẫu nước tiểu M5 thu giữ của A1 gửi giám định không tìm thấy sản phẩm chuyển hóa ma túy. Kết luận giám định số 457/KLGĐMT-PC09 ngày 21- 12- 2021 kết luận: Mẫu nước tiểu ký hiệu N1 thu giữ của D1 gửi giám định chứa sản phẩm chuyển hóa của ma túy, loại Methamphetamine; Mẫu nước tiểu ký hiệu N2 thu giữ của L2 gửi giám định không tìm thấy sản phẩm chuyển hóa ma túy. Tại các phiếu trả lời kết quả về việc xác định tình trạng nghiện ma túy, Bệnh viện Tâm thần- Sở Y tế Thái Bình xác định: Những người không đáp ứng tiêu chuẩn nghiện là H1, L1, A1, T7, L3, L2. Riêng D1 đáp ứng tiêu chuẩn nghiện.

Vật chứng của vụ án đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06- 04- 2022 gồm: 01 túi nilon trong suốt được niêm phong kín bằng băng dính trong suốt và 2 dải niêm phong màu trắng, bên trong có 01 túi nilon màu đen, 01 dải niêm phong màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn; 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000đồng được cố định bằng 03 vỏ đầu lọc điều thuốc lá màu vàng; 01 thẻ ATM mang tên H1; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 túi nilon trong suốt có mép cài; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu xanh đen thu giữ của T7; 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu đen thu giữ của H1; 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu trắng đen thu giữ của L1; 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu vàng hồng thu giữ của A1; 01 quyển sổ hóa đơn.

Các chứng cứ chứng minh: Biên bản sự việc; Biên bản giao nhận tài liệu đồ vật và các biên bản niêm phong; Các kết luận giám định về chất ma túy; về tình trạng nghiện ma túy; Sơ đồ hiện trường; lời khai của người cùng sử dụng ma túy là anh T7, anh L2 và L3; lời khai của người chứng kiến cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D1 trình bày: Ngày 15- 12- 2021, bị cáo mua 01 gói ma túy là Ketamine giá 3.500.000đồng. Trưa ngày 16- 12- 2021, trong khi uống bia cùng các anh T7, anh L2 thì bị cáo nói có ma túy và rủ hai người sử dụng ma túy. Sau đó, bị cáo cùng anh T7 đến quán KARAOKE trước; đến nơi, bị cáo yêu cầu bị cáo A1 là quản lý quán bố trí phòng hát và 03 nhân viên phục vụ. Trong lúc chờ anh L2 đến thì bị cáo gọi điện cho người tên là T11 để đặt mua 02 viên thuốc lắc. Khi anh L2 đến thì bị cáo, anh T7 và anh L2 cùng vào phòng số 03; bị cáo yêu cầu nhân viên của quán là bị cáo H1 lấy cho bị cáo 01 đĩa sứ, cuộn giấy khô và cho mượn thẻ ATM là các

vật dụng phục vụ việc sử dụng ma túy. Bị cáo đưa cho H1 một (01) tờ tiền mệnh giá 20.000đồng và bảo H1 cuộn thành ống hút. Bị cáo trực tiếp sử dụng bật lửa đốt cuộn giấy khô để hơi nóng đĩa sứ; đổ ma túy loại Ketamine trong túi quần vào đĩa; dùng thẻ ATM miết ma túy cho mịn, kẻ thành đường để sử dụng. Sau đó, bị cáo ra ngoài mua 02 viên thuốc lắc giá 600.000đồng do T11 đem đến. Bị cáo đem 02 viên thuốc lắc vào đưa cho bị cáo H1 để bị cáo H1 pha chế. Sau khi bị cáo H1 pha chế xong thì anh T7 uống trước, những người khác cùng uống là bị cáo, anh L2, bị cáo H1, bị cáo L1 và L3. Một lúc sau, bị cáo lấy đĩa ma túy, loại Ketamine đã xào ke từ trước mời mọi người sử dụng; cả 6 người đều sử dụng, mỗi người được 3 vòng thì hết ma túy. Sau đó, bị cáo và anh L2 ra ngoài; khi thấy Công an đến kiểm tra thì bị cáo và L2 bỏ chạy. Đến ngày 20- 12- 2021, bị cáo được Công an triệu tập đến làm việc.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H1 trình bày: Bị cáo là nhân viên phục vụ tại quán, người quản lý là bị cáo A1. Hồi 14 giờ ngày 16- 12- 2021, bị cáo được bị cáo A1 phân công phục vụ khách tại phòng hát số 03, khách là bị cáo D1, anh L2 và anh T7. Bị cáo là người lấy cuộn giấy khô, đĩa sứ của quán giao cho bị cáo D1 và cho mượn thẻ ATM theo yêu cầu của bị cáo D1. Bị cáo là người nhận tờ tiền mệnh giá 20.000đồng từ bị cáo D1 để cuộn thành ống hút và sau đó giao cho nhân viên khác của quán là L3 cuộn tiếp. Khi bị cáo D1 xào ke thì bị cáo L1 là người bật đèn điện thoại của bị cáo L1 để soi cho bị cáo D1. Sau khi bị cáo D1 xào ke xong thì bị cáo đi ra ngoài thông báo cho bị cáo A1 biết thời gian khách trong phòng bắt đầu sử dụng ma túy. Khi bị cáo D1 đưa cho bị cáo 02 viên thuốc lắc thì bị cáo là người pha chế 02 viên thuốc lắc bằng cách cho vào cốc, giã nhỏ, đổ nước Coca vào. Bị cáo D1 kẻ ma túy là Ketamin trên đĩa sứ thành đường thẳng để cho mọi người sử dụng. Tất cả những người trong phòng hát 03 gồm: Anh T7, bị cáo H1, anh L2, bị cáo L1, bị cáo D1 và L3 đều uống cốc nước chứa ma túy do bị cáo pha chế; đều sử dụng ma túy là Ketamin trên đĩa sứ, mỗi người được ba vòng thì hết. Bị cáo L1 soi đèn điện thoại cho D1 kẻ ke, soi đèn cho mọi người sử dụng ma túy. Sau đó, anh L2 và bị cáo D1 đi ra ngoài. Khi Công an đến kiểm tra thì trong phòng có anh T7, L3, bị cáo H1 và bị cáo L1. Toàn bộ số ma túy đều là của bị cáo D1 đem đến.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo L1 trình bày: Bị cáo là nhân viên phục vụ tại quán, người quản lý là bị cáo A1. Khi làm việc tại quán thì bị cáo sử dụng tên là **N9** nhưng chỉ sử dụng ở quán này, đây không phải tên gọi khác của bị cáo. Ngoài tên gọi là L1 thì bị cáo không có tên gọi khác. Hồi 14 giờ ngày 16- 12- 2021, bị cáo được bị cáo A1 phân công phục vụ khách tại phòng hát số 03 của quán, khách là bị cáo D1, anh L3 và anh T7. Bị cáo là người bật đèn điện thoại của mình để soi cho bị cáo D1 xào ke; soi cho mọi người sử dụng ma túy; bị cáo cũng sử dụng ma túy là thuốc lắc và Ketamine. Khi Công an đến kiểm tra thì trong phòng có anh T7, L3, bị cáo H1 và bị cáo. Bị cáo bị thu giữ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone và yêu cầu trả lại bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A1 trình bày: Bị cáo được chủ quán là chị T10 thuê làm người trực tiếp quản lý quán. Chiều ngày 16- 12- 2021, bị cáo là người bố trí phòng số 03 của quán cho khách thuê là bị cáo D1; cũng là người điều các nhân viên của quán là bị cáo H1, bị cáo L1 và L3 đến phục vụ khách hát tại phòng này. Khi được bị cáo H1 thông báo về việc khách phòng 03 sử dụng ma túy thì bị cáo đồng ý và tính tiền thuê phòng theo giá cao hơn. Khoảng 01 giờ sau thì bị cáo D1 và anh L2 ra ngoài ngồi uống nước. Khi Công an đến kiểm tra thì D1 và L2 bỏ chạy, trong phòng chỉ còn anh T7, L3, bị cáo H1 và bị cáo L1. Bị cáo yêu cầu trả lại chiếc điện thoại bị thu giữ; không yêu cầu trả lại quyển sổ không còn giá trị.

Người có quyền lợi liên quan là anh T7 trình bày: Ngày 16-12- 2021, trong khi uống bia cùng nhau thì bị cáo D1 rủ anh và anh L2 sử dụng ma túy và sau đó cả ba đến quán. Toàn bộ ma túy là của bị cáo D1 đem đến. Sau khi sử dụng xong thì anh L2 và bị cáo D1 ra ngoài nên khi Công an đến thì trong phòng có anh, bị cáo H1, bị cáo L1 và L3. Anh yêu cầu trả lại anh chiếc điện thoại bị thu giữ.

Người làm chứng là L3 trình bày: L3 là nhân viên phục vụ tại quán, người quản lý là bị cáo A1. Khi làm việc tại quán thì sử dụng khác. Khi bị cáo H1 đưa cho L3 tờ tiền 20.000đồng cuộn dờ thì L3 đã cuộn tiếp tờ tiền đó thành ống hút, gắn đầu lọc thuốc lá để cố định ống hút. Sau đó, L3 tham gia vào việc sử dụng ma túy là thuốc lắc và Ketamine.

Người làm chứng là chị T10 trình bày: Người đứng tên kinh doanh quán là anh trai của chị (C5), còn chị là chủ quán. Chị thuê và giao cho bị cáo A1 trực tiếp quản lý quán; chị không cho phép sử dụng ma túy tại quán. Ngày 16- 12- 2021, anh C5 và chị đều không có mặt tại quán, không biết sự việc xảy ra tại quán.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo L1 trình bày: Đề nghị giảm nhẹ hình phạt và xử mức án thấp nhất, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo bị cáo L1.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKSTT ngày 05- 04- 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo D1 về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, điểm c và điểm h khoản 2 Điều 255; truy tố bị cáo A1, H1, L1 về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo; đề nghị: Tuyên bố: Các bị cáo D1, A1, H1, L1 phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Kiểm sát viên đề nghị:

-Áp dụng: Điểm b, điểm c, điểm h khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D1.

-Áp dụng: Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo A1.

-Áp dụng: Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; Điểm n, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H1.

-Áp dụng: Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 90, Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L1.

-Đề nghị xử phạt: Bị cáo D1 từ 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) năm tù;

-Đề nghị xử phạt: Bị cáo H1 từ 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng;

-Đề nghị xử phạt: Bị cáo A1 từ 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng;

-Đề nghị xử phạt: Bị cáo L1 từ 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng đến 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng;

-Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

-Đề nghị tịch thu sung quỹ: 01 tờ tiền mệnh giá 20.000đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu trắng đen thu giữ của bị cáo L1.

-Đề nghị tịch thu tiêu hủy : 01 túi nilon trong suốt được niêm phong kín bằng băng dính trong suốt và 2 dải niêm phong màu trắng, bên trong có 01 túi nilon màu đen, 01 dải niêm phong màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn; 03 vỏ đầu lọc điếu thuốc lá màu vàng; 01 thẻ ATM mang tên H1; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 túi nilon trong suốt có mép cài và 01 quyển sổ hóa đơn.

-Đề nghị trả lại anh T7: 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu xanh đen; trả lại bị cáo H1: 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu đen; trả lại bị cáo A1: 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu vàng hồng.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo D1, H1, A1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Miễn án phí hình sự cho bị cáo L1.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo D1, H1, A1, L1 nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của các bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều trình bày: Ngày 16- 12- 2021, tại quán Karaoke

thuộc địa phận thôn C6, xã T9; các bị cáo đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là Ketamine và MDMA. Bị cáo D1 là người cung cấp ma túy, dụng cụ, tham gia chế biến ma túy để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo H1 là người cung cấp dụng cụ, tham gia chế biến ma túy; bị cáo L1 giúp sức trong quá trình chế biến ma túy để sử dụng. Bị cáo A1 là người quản lý quán, đã để cho khách thuê phòng hát và các nhân viên của quán sử dụng địa điểm, dụng cụ phục vụ việc sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo D1 nghiện ma túy; các bị cáo H1, A1, L1 đều không nghiện ma túy nhưng đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là Ketamine và MDMA. Đây là các chất ma túy được quy định trong Nghị định số 73/2018/NĐ-CP Ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất ma túy ngày 15/5/2018 của Chính phủ nên hành vi của các bị cáo đã vi phạm chế độ quản lý về chất ma túy. Các bị cáo D1, bị cáo H1, bị cáo A1 là người trên 18 tuổi; bị cáo L1 là người dưới 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo tổ chức cho 6 người, trong đó có 02 người dưới 18 tuổi sử dụng ma túy nên các bị cáo phạm tội “*Đối với 02 người trở lên*” và “*Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi*”; đã vi phạm quy định tại các điểm b, điểm c của điều luật. Riêng bị cáo D1, ngày 14-12-2012 bị xử phạt 01 (Một) năm tù; ngày 29-06-2015, bị cáo D1 bị xử phạt 08 (Tám) năm tù; đều chưa được xóa án tích nên bị cáo D1 còn vi phạm điểm h của điều luật “*Tái phạm nguy hiểm*”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo D1 theo điểm b, điểm c, điểm h khoản 2 Điều 255; truy tố các bị cáo H1, A1, L1 theo điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255 là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1. *Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

a) *Phạm tội 02 lần trở lên;*

b) *Đối với 02 người trở lên;*

c) *Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;*

d) *Đối với phụ nữ mà biết là có thai;*

đ) *Đối với người đang cai nghiện;*

e) *Gây tổn hại cho sức khỏe người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;*

g) *Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;*

h) *Tái phạm nguy hiểm.....*

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”.*

[3]. Về vai trò các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Trong đó:

[3.1]. Bị cáo D1 có nhân thân xấu, đã bị xử phạt tù về các tội chiếm đoạt tài sản, tội ma túy; là người cung cấp ma túy, trực tiếp tham gia vào quá trình chế biến ma túy để sử dụng trái phép nên giữ vai trò chính trong vụ án, phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo H1 cung cấp dụng cụ, tham gia tích cực vào quá trình chế biến ma túy nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo A1 để mặc các bị cáo sử dụng địa điểm do mình quản lý để tổ chức sử dụng ma túy nên giữ vai trò thứ ba trong vụ án. Bị cáo L1 giúp sức cho bị cáo D1 trong quá trình chế biến ma túy nên giữ vai trò thấp nhất trong vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt tù đối với cả bốn bị cáo; áp dụng thêm Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L1 là người chưa thành niên phạm tội.

[3.2].-Các bị cáo D1, H1, A1 và L1 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

-Các bị cáo D1, H1, A1 và L1 đều “*thành khẩn khai báo*” nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H1 là “*phụ nữ có thai*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi phạm tội, bị cáo L1 ở độ tuổi 16 năm 10 tháng 02 ngày nên được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L1. Theo các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo D1, H1, A1 là người lao động, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với ba bị cáo.

[4]. Về vật chứng, tài sản thu giữ, xử lý vật chứng:

[4.1].Vật chứng của vụ án : 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000đồng được cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng; 01 túi nilon trong suốt được niêm phong kín bằng băng dính trong suốt và 2 dải niêm phong màu trắng, bên trong có 01 túi nilon màu đen, 01 dải niêm phong màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn; 01 thẻ ATM mang tên H1; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 túi nilon trong suốt có mép cài và 01 quyển sổ hóa đơn. Đây là các dụng cụ mà các bị cáo sử dụng phạm tội; cần áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu; trong đó: Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 20.000đồng; tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại.

[4.2]. Đối với 04 chiếc điện thoại thu giữ từ anh T7; bị cáo H1; bị cáo L1 và bị cáo A1. Đây là đồ dùng trong cuộc sống, trong sinh hoạt hàng ngày nên cần áp dụng khoản 1, điểm a điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại. Cụ thể: Trả lại anh T7: 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu xanh đen; trả lại bị cáo H1: 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu đen; trả lại bị cáo L1: 01 điện

thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu trắng đen; trả lại bị cáo A1: 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu vàng hồng.

[5]. Về các vấn đề khác của vụ án:

-L3, sinh ngày 24- 12- 2005 nên ngày 16- 12- 2021, khi thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng các bị cáo; L3 ở độ tuổi 15 năm 11 tháng 22 ngày. Vì vậy, Cơ quan điều tra không khởi tố.

-Các anh T7; anh L2 là người cùng sử dụng ma túy nhưng không thực hiện các hành vi phục vụ cho việc sử dụng ma túy nên Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính đối với anh T7; anh L2.

-Bị cáo D1 trình bày: Ngày 15- 12- 2021, bị cáo mua 01 gói ma túy, loại Ketamine của người đàn ông tên T11, địa chỉ thôn A2, xã T12. Ngày 16- 12- 2021, bị cáo gọi điện mua ma túy nên T11 cầm 02 viên ma túy là thuốc lắc MDMA đến gần quán bán cho bị cáo. Nhưng bị cáo không biết tên và địa chỉ đúng của T11 nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác định người bán ma túy cho bị cáo. Chiếc điện thoại dùng liên lạc mua ma túy, bị cáo đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

-Người đứng tên kinh doanh quán KARAOKE là anh C5, chủ quán là chị T10. Ngày 16- 12- 2021, anh C5, chị T10 không có mặt tại quán cũng không biết sự việc nên Cơ quan điều tra chỉ xử lý hành chính đối với anh C5 về hành vi vi phạm quy định về phòng chống COVID-19.

[6]. Về án phí: Bị cáo L1 thuộc hộ nghèo có đơn nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo D1, H1, A1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Các bị cáo D1, H1, A1, L1 phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt:

2.1. Áp dụng: Điểm b, điểm c, điểm h khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo D1: 08 (Tám) năm 09 (Chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 12 năm 2021.

2.2. Áp dụng: Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; Điểm s, điểm n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

-Xử phạt bị cáo H1: 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt tù.

2.3. Áp dụng: Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

-Xử phạt bị cáo A1: 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 12 năm 2021.

2.4. Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90, Điều 91; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo L1: 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 12 năm 2021.

2.5. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo D1, bị cáo H1, bị cáo A1 và bị cáo L1.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1; Điểm a khoản 2; Điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các vật chứng hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06- 04- 2022 được xử lý như sau:

-Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 20.000đồng;

-Tịch thu tiêu hủy các vật chứng: 01 túi nilon trong suốt được niêm phong kín bằng băng dính trong suốt và 2 dải niêm phong màu trắng, bên trong có 01 túi nilon màu đen, 01 dải niêm phong màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn; 03 vỏ đầu lọc điều thuốc lá màu vàng; 01 thẻ ATM mang tên H1; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 túi nilon trong suốt có mép cài và 01 quyển sổ hóa đơn.

-Trả lại anh T7: 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu xanh đen; trả lại bị cáo H1: 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu đen; trả lại bị cáo L1: 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu trắng đen; trả lại bị cáo A1: 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone vỏ màu vàng hồng.

4. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

-Miễn án phí cho bị cáo L1.

-Các bị cáo D1, A1, H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đồng án hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện của bị cáo L1 vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- NCQLNVLQ;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-Chi cục Thi hành án dân sự
huyện Thái Thụy;
-Sở Tư pháp Thái Bình;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tòng